Bài 2 XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ

(1 tiết)

I - MỤC TIÊU BÀI HỌC

Như bài 1, mục I.

II - NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

Nội dung thị tộc, quan hệ thị tộc.

Bài có 3 mục, có tính chất liên hoàn chặt chẽ với nhau và với cả bài 1.

2. Về phương pháp

Khi giảng bài này, GV nên vận dụng một cách linh hoạt các phương pháp và thủ pháp khác nhau, trong đó nên chú ý :

– Kết hợp giải thích với miêu tả những chi tiết cần thiết.

– Hướng dẫn HS nắm được ý trong SGK qua các hoạt động trên lớp.

III - THIẾT BỊ , TÀI LIỆU DẠY – HỌC

Chuẩn bị tranh vẽ, in ; nên có băng video hoặc đĩa CD.

IV - GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài học

2. Tổ chức các hoạt động dạy và học

Mục 1. Thị tộc và bộ lạc

Đề mục bài chỉ có ý nghĩa (quy ước) tương đối vì nếu như Người tối cổ đã là Người thì Xã hội loài người phải bao gồm cả Bầy người nguyên thuỷ và Công xã nguyên thuỷ (với hình thức Thị tộc – Bộ lạc). Ở đây chỉ nói đến Công xã nguyên thuỷ vì là tổ chức *thực chất, định hình* đầu tiên của loài người, mà Bầy người nguyên thuỷ như một hình thức quá độ ; bởi bầy người là người nhưng sống theo bầy, chưa phải là công xã, thị tộc.

– Tổ chức hợp quần và sinh hoạt theo từng gia đình, chủ yếu là mẹ và 1 – 2 con, là bản chất của loài người (chứ không phải hỗn độn), hình thành nhóm theo lứa tuổi, giới tính, công việc.

– Hình thức tổ chức đầu tiên là thị tộc. Bộ lạc chỉ là một tổ chức lớn hơn, bao gồm một số thị tộc có họ với nhau.

– GV hướng dẫn HS hiểu ba khái niệm liên quan tới quan hệ xã hội của Công xã nguyên thuỷ : hợp tác lao động, hưởng thụ bằng nhau, quan hệ hợp quần – cộng đồng.

Đây là 3 khái niệm trừu tượng, nên cần giới thiệu, giải thích, phân tích và đưa một số ví dụ minh hoạ (có chọn lọc) để HS dễ hiểu.

Chẳng hạn, người ta tổ chức đi săn tập thể như thế nào ? Vì sao phải như thế ? Vì sao phải vào rừng hái lượm theo tập đoàn ?

Hay, vì sao phải được hưởng thụ bằng nhau và như thế nào ? Có thể kể một bữa ăn sau khi đi săn thú về : thịt thú nướng cùng với rau, củ kiếm được đem chia thành những khẩu phần đều nhau cho mỗi người (vì mọi người cùng làm bằng nhau, và đều hưởng "như nhau") ; hoặc để trên tàu lá rộng, từng người bốc ăn từ tốn.

Việc chia khẩu phần của thị tộc Ta-sa-đây ở Phi-líp-pin, được phát hiện gần đây, cũng cho thấy như vậy. Không thể ăn "tự do thoải mái" vì không có nhiều. Có thể kể một ví dụ tiêu biểu : Một nhà dân tộc học đến Đất Lửa (Nam Mĩ), sống một thời gian với thổ dân. Khi chia tay, ông tặng thổ dân một mảnh vải. Mọi người xúm lại chuyền tay nhau xem, tấm tắc khen lạ và đẹp, rồi họ cắt chia nhau mỗi

người một miếng nhỏ "để làm kỉ niệm", vì họ không hề có ý nghĩ là một người nào đó có quyền giữ riêng cho mình tất cả mảnh vải để may áo.

Thời ấy người ta sống cùng nhau và hưởng thụ như nhau. Đó chính là sự cộng đồng của công xã nguyên thuỷ. Sau này khi đã có chế độ tư hữu, con người có thể sống riêng lẻ và ích kỉ trong thiếu thốn.

GV có thể giải thích thêm : trong điều kiện như thế, chưa thể có tư hữu và sự bóc lột, chưa có giai cấp và đấu tranh giai cấp, chưa có bất công xã hội. Làm sao để tạo *biểu tượng* cho HS *về một thời đại đại đồng nhưng mông muội và loài người vẫn có ước mơ chính đáng – xây dựng một thời đại đại đồng trong văn minh.*

Mục 2. Buổi đầu của thời đại kim khí

Nên giảng gọn theo 2 ý :

– Sự phát minh ra công cụ kim khí ; đồng thau và sự hạn chế của đồng thau ; sắt và khả năng của sắt ; có thể gợi sự chú ý đến 3 mốc thời gian (5500 năm ; 4000 năm và 3000 năm trước đây). Vì sao cách xa nhau như thế ? (thời ấy muốn có một phát minh mới về kĩ thuật, không phải là dễ).

GV lập biểu đồ thời gian (tiếp theo và mở rộng biểu đồ tiết học trước) :

5500 năm	4000 năm	3000 năm trước ngày nay
(đồng đỏ)	(đồng thau)	(sắt)

– Hệ quả kinh tế của các phát minh nói trên : sản phẩm thừa thường xuyên.

Giải thích từ *thường xuyên* : sự dư thừa trên mức tối thiểu của thời đó là hiệu quả lao động của toàn xã hội, chứ không phải của một vài người, một vài lúc.

Mục 3. Sự xuất hiện tư hữu và xã hội có giai cấp

Trình bày hệ quả xã hội của công cụ bằng kim loại. GV hướng dẫn HS nắm những ý cơ bản :

– Sự xuất hiện tư hữu.

– Gia đình phụ hệ thay thế cho thị tộc. Không nói gia đình mẫu hệ mà cả thị tộc mẫu hệ.

– Xã hội phân chia thành giai cấp.

GV có thể giải thích mở rộng :

– "Bước đi" của sự xuất hiện tư hữu ? Phải có *của thừa* và có "cơ hội" cho một số người dùng thủ đoạn *chiếm làm của riêng.*

– Trước kia, thị tộc là đơn vị kinh tế (làm chung, hưởng đều nhau) mặc dù từng gia đình có thể vẫn có cuộc sống riêng, trong một góc nhà chung (chăm sóc con cái chẳng hạn). Giờ đây, gia đình là đơn vị kinh tế, người đàn ông (người cha) là chủ gia đình và cũng là chủ tài sản gia đình.

– Sự tích luỹ của tư hữu đến một mức nào đó, sinh ra những người giàu tách khỏi những người bình thường khác (trong đó có một số người nghèo hơn). Không phải ai cũng trở thành giàu có. Đó là những người có cơ hội chiếm đoạt một phần sản phẩm xã hội làm của riêng (những người có chức phận). Về sau, họ trở thành giai cấp cầm quyền (*giai cấp thống trị*) trong xã hội có giai cấp.

Đó cũng là những biểu hiện *sự rạn vỡ* của xã hội nguyên thuỷ. Nó rạn vỡ bởi vì không phải biến mất trong chốc lát, nhưng nó sẽ bị xã hội có giai cấp thay thế về mặt lịch sử.

3. Sơ kết bài

Bảng dưới đây đã nêu đầy đủ, GV dùng để giảng và sơ kết cả 2 bài ; nên viết sẵn trên bìa cứng hoặc vẽ khung của biểu đồ lên bảng, hướng dẫn cho HS điền nội dung qua tiết 1, 2 và sơ kết. Không nên yêu cầu HS phải vẽ vào vở và học, mà cốt để hiểu rõ, hiểu chắc.

Thời gian	4 triệu năm trước →	1 triệu năm trước →	4 vạn năm trước →	1 vạn năm trước →	5000 năm trước →	4000 năm trước →	3000 năm trước →
Sự tiến hoá của con người	Chuyển từ vượn giống Người	Người đứng đi : Tối cổ	Tinh khôn : Hiện đại				
Sự phát triển công cụ	Lượm hòn đá tiện dùng	Ghè đá vừa tay : Đá cũ sơ kì	Đá cũ hậu kì : ghè đẽo gọn, sắc	Đá mới : Ghè – mài sắc	Đồng đỏ	Đồng thau. Nông nghiệp	Sắt. Các nghề thủ công
Phương thức kinh tế		Lượm hái, săn đuổi bắt thú	Cung tên, săn bắn, lều, hang	Trồng rau củ, chăn nuôi	Trồng lúa ven sông	Nông nghiệp. Thủ công nghiệp	Giao thông bộ, biển
Tổ chức xã hội	Bầy Vượn giống Người	Bầy người nguyên thuỷ	Thị tộc – Xã hội nguyên thuỷ →	Bộ lạc →	Xã hội có giai cấp. Nhà nước	Nhà nước mở rộng	
				Làm gốm, đánh cá, cách mạng đá mới...			

V - TÀI LIỆU THAM KHẢO

Trong suốt thời gian dài, công cụ lao động của con người chủ yếu bằng đá, một thứ nguyên liệu vừa cứng, vừa giòn, rất khó ghè đẽo. Một cải tiến nhỏ trong cách ghè đẽo để làm thay đổi chút ít hình dáng công cụ cũng đòi hỏi hàng nghìn năm, có khi hàng vạn năm tích luỹ kinh nghiệm. Điều đó giải thích vì sao sau này khi con người biết đến những kĩ thuật mới như khoan, cưa, mài đá (ở thời đại đồ đá mới) và đặc biệt khi tìm ra nguyên liệu mới và kim loại thì tốc độ phát triển của xã hội đã tăng nhanh hơn gấp nhiều lần.

Sự thay đổi căn bản đã bắt đầu từ khoảng thiên niên kỉ IV TCN, khi con người phát minh ra và biết sử dụng công cụ bằng đồng. Lúc đầu, có thể người ta đã phát hiện ra đồng một cách ngẫu nhiên. Trong đám tro tàn sau những vụ cháy rừng hay trong đống nham thạch do núi lửa phun ra, người ta nhặt được những thỏi đồng đã bị nóng chảy và vón cục lại. Đó là đồng đỏ. Loại đồng này có đặc tính rất dẻo và mềm nên dễ ghè, đập thành những công cụ hoặc đồ dùng có hình dáng theo ý muốn. Vào khoảng 5500 năm trước đây, dân Tây Á và Ai Cập đã biết sử dụng đồng đỏ. Đến khoảng 4000 năm trước đây thì nhiều cư dân trên Trái Đất đã biết dùng đồng thau.

Từ đồng thau, người ta đã biết chế tạo ra những lưỡi cày, lưỡi cuốc, rìu, dao, liềm v.v... rất giống với những công cụ ngày nay. Đến khoảng cuối thiên niên kỉ II, đầu thiên niên kỉ I TCN, người ta lại biết chế tạo những công cụ này từ sắt – một thứ kim loại cứng và sắc hơn đồng rất nhiều. "Sắt cho phép người ta có thể trồng trọt trên những diện tích rộng lớn hơn, có thể khai hoang những miền rừng rú rộng lớn hơn ; sắt khiến cho người thợ thủ công có được một công cụ cứng và sắc mà không có một loại đá nào hay một loại kim khí quen thuộc nào có thể đương đầu với nó được".

(Theo : Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử thế giới cổ đại*, NXB Giáo dục, H., 2005)